

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 361/2024/DS-PT

Ngày: 23 – 7 -2024

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Thanh Tòng

Bà Nguyễn Thị Rên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thảo Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLPT-DS ngày 16/5/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1892/2024/QĐ-PT ngày 29/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 2175/2024/QĐ-PT ngày 18/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số 2438/2024/QĐ-PT ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2023); (có mặt)

- Bị đơn: Ông Diệp Văn N, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông D văn Ngời:* Ông Đinh Văn N1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2023); (Ông N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 22/7/2024).

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Diệp Văn N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Theo bản án sơ thẩm**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2023 của bà Nguyễn Thị L cũng như trong suốt quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bà L là ông Nguyễn Văn P trình bày:*

Bà L có cho ông N vay tiền 06 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/6/2022 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Lần 2: Ngày 22/8/2022 âm lịch vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Lần 3: Ngày 08/9/2022 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Lần 4: Ngày 20/12/2022 âm lịch vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Lần 5: Ngày 10/4/2023 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Lần 6: Ngày 27/4/2023 âm lịch vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, khi bà L có nhu cầu thu hồi nợ thì bà L sẽ báo trước cho ông N 10 ngày. Ông N đã đóng lãi đến tháng 4 năm 2023 thì không đóng nữa.

Tổng cộng tiền vốn mà ông N vay của bà L là 420.000.000 đồng, các lần vay tiền là do ông N trực ký tên và nhận tiền. Nay bà L yêu cầu ông N trả số tiền vay còn thiếu là 420.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày Tòa xét xử với số tiền là 33.000.800 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 453.000.800 đồng.

*Trong suốt quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Văn N là ông Đinh Văn N1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay tiền, số lần vay tiền cũng như tổng số tiền ông N đã vay của bà L. Tuy nhiên, ông N đã trả xong cho bà L số tiền vay là 320.000.000 đồng, riêng lần vay ngày 27/4/2023 âm lịch là 100.000.000 đồng ông N chưa trả cho bà L. Do đó, ông N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N trả số tiền vay là 420.000.000 đồng, ông N đồng ý trả cho bà L số tiền vay là 100.000.000 đồng mà ông N đã vay của bà L vào ngày 27/4/2023 âm lịch. Chữ ký Ngời trong giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp gồm 06 lần vay tiền là do ông N trực tiếp ký.

Khi vay tiền thì hai bên có thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng mỗi ngày đóng 5.000 đồng. Trong 05 lần vay đầu tiên ông N đã đóng lãi và trả vốn xong cho bà L. Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay lần sau cùng ông N có đóng lãi nhưng không nhớ là đóng bao nhiêu và đóng đến thời gian nào thì ngưng không đóng nữa. Tuy nhiên, ông N không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi mà ông đã đóng cho bà L.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 29/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

*Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

*Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

***Tuyên xử:***

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, cụ thể tuyên:*

*1. Buộc ông Diệp Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn thiếu là 453.000.800 đồng. Trong đó: tiền vốn là 420.000.000 đồng và tiền lãi là 33.000.800 đồng.*

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 10/4/2024, bị đơn ông Diệp Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Ông Đình Văn N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Diệp Văn N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông Diệp Văn N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn ông Diệp Văn N; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về tố tụng: Bị đơn ông Diệp Văn N kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Văn N là ông Đinh Văn N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đinh Văn N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Diệp Văn N, nhận thấy:

[1.1] Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị đơn ông Diệp Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ vay gốc là 420.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 15/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/3/2024 số tiền là 33.000.800 đồng. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đinh Văn N1 thừa nhận bị đơn ông Diệp Văn N có vay của bà L số tiền 420.000.000 đồng nhưng cho rằng ông N đã trả cho bà L số tiền 320.000.000 đồng nên ông N chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ còn lại là 100.000.000 đồng, tuy nhiên ông N1 không chứng minh được việc ông N đã trả cho bà L số tiền 320.000.000 đồng nên lời trình bày của ông N1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[1.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/7/2023 đến ngày 29/3/2024 là 09 tháng 14 ngày với số tiền là 33.000.800 đồng, bị đơn không đồng ý, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn cho rằng có đóng lãi nhưng không biết số tiền bao nhiêu, không xác định được thời gian đóng lãi đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy

định tại khoản 2 Điều 468 nên được chấp nhận, số tiền lãi được tính như sau:  
 $420.000.000 \times 0,83\% \times 9 \text{ tháng} + (420.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} : 30 \times 14 \text{ ngày})$   
 $= 33.000.800 \text{ đồng}.$

[2] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn 420.000.000 đồng và tiền lãi 33.000.800 đồng là có căn cứ. Bị đơn ông Diệp Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bị đơn chỉ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên phía bị đơn không chứng minh được số tiền 320.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn, do đó kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Diệp Văn N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Diệp Văn N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Diệp Văn N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Diệp Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay còn nợ là 453.000.800 (B trăm năm mươi ba triệu, tám trăm đồng). Trong đó: Tiền vốn là 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 33.000.800 (Ba mươi ba triệu, tám trăm đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.120.000 (hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng) ông Diệp Văn N có nghĩa vụ nộp.

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí là 10.778.000 (Mười triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002320 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Diệp Văn N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004541 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Phạm Văn Ngọt**